

Số: 2216/TB-ĐHTM-HĐTS

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025**

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non; Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non”;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-ĐHTM ngày 15/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-ĐHTM ngày 14/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-ĐHTM-HĐTS ngày 22/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy năm 2025.

**Hội đồng tuyển sinh Đại học chính quy năm 2025 thông báo:**

1. Điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy năm 2025 các chương trình đào tạo như sau:

| TT | Mã tuyển sinh | Tên ngành/Chương trình đào tạo                                                                              | Điểm chuẩn trúng tuyển theo phương thức xét tuyển |         |        |      |      |      |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|--------|------|------|------|
|    |               |                                                                                                             | 100                                               | 402a    | 402b   | 409  | 410  | 500  |
| 1  | TM01          | Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)                                                                   | 25.8                                              | 105.333 | 73.8   | 25.8 |      | 25.8 |
| 2  | TM02          | Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP) | 25.4                                              | 102.667 | 71.4   | 25.4 | 28.9 | 25.4 |
| 3  | TM03          | Quản trị kinh doanh (Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh)                                                  | 25.1                                              | 100.667 | 69.6   | 25.1 |      | 25.1 |
| 4  | TM04          | Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)                                                                     | 25.4                                              | 102.667 | 71.4   | 25.4 |      | 25.4 |
| 5  | TM05          | Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)   | 25.1                                              | 100.667 | 69.6   | 25.1 | 28.6 | 25.1 |
| 6  | TM06          | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)                                   | 24.8                                              | 99.12   | 68.12  | 24.8 |      | 24.8 |
| 7  | TM07          | Marketing (Marketing Thương mại)                                                                            | 27.3                                              | 115.333 | 83.867 | 27.3 |      | 27.3 |





| TT | Mã tuyển sinh | Tên ngành/Chương trình đào tạo                                                                                                      | Điểm chuẩn trúng tuyển theo phương thức xét tuyển |         |        |      |       |      |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|--------|------|-------|------|
|    |               |                                                                                                                                     | 100                                               | 402a    | 402b   | 409  | 410   | 500  |
| 8  | TM08          | Marketing (Marketing thương mại - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)                                  | 26.3                                              | 108.667 | 76.8   | 26.3 | 29.8  | 26.3 |
| 9  | TM09          | Marketing (Marketing số)                                                                                                            | 27.5                                              | 116.667 | 85.333 | 27.5 |       | 27.5 |
| 10 | TM10          | Marketing (Quản trị Thương hiệu)                                                                                                    | 26.8                                              | 112     | 80.2   | 26.8 |       | 26.8 |
| 11 | TM11          | Marketing (Quản trị thương hiệu - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)                                  | 26.1                                              | 107.333 | 75.6   | 26.1 | 29.6  | 26.1 |
| 12 | TM12          | Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)                                                                                                      | 25.8                                              | 105.333 | 73.8   | 25.8 |       | 25.8 |
| 13 | TM13          | Kế toán (Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB -                                                                            | 24                                                | 95.6    | 64.6   | 24   | 27.1  | 24   |
| 14 | TM14          | Kế toán (Kế toán công)                                                                                                              | 24.8                                              | 99.12   | 68.12  | 24.8 |       | 24.8 |
| 15 | TM15          | Kiểm toán (Kiểm toán)                                                                                                               | 25.7                                              | 104.667 | 73.2   | 25.7 |       | 25.7 |
| 16 | TM16          | Kiểm toán (Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)       | 24                                                | 95.6    | 64.6   | 24   | 27.1  | 24   |
| 17 | TM17          | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi                                                                     | 27.8                                              | 118.667 | 87.533 | 27.8 |       | 27.8 |
| 18 | TM18          | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Xuất nhập khẩu - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP) | 26.6                                              | 110.667 | 78.733 | 26.6 |       | 26.6 |
| 19 | TM19          | Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)                                                                                             | 26.8                                              | 112     | 80.2   | 26.8 |       | 26.8 |
| 20 | TM20          | Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)                           | 26.3                                              | 108.667 | 76.8   | 26.3 | 29.8  | 26.3 |
| 21 | TM21          | Kinh tế quốc tế (Kinh tế quốc tế)                                                                                                   | 26.6                                              | 110.667 | 78.733 | 26.6 |       | 26.6 |
| 22 | TM22          | Kinh tế (Quản lý kinh tế)                                                                                                           | 25.1                                              | 100.667 | 69.6   | 25.1 |       | 25.1 |
| 23 | TM23          | Kinh tế (Kinh tế và Quản lý đầu tư - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)                               | 24.7                                              | 98.68   | 67.68  | 24.7 | 28.08 | 24.7 |
| 24 | TM24          | Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại)                                                                            | 26.1                                              | 107.333 | 75.6   | 26.1 |       | 26.1 |
| 25 | TM25          | Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)          | 25.4                                              | 102.667 | 71.4   | 25.4 | 28.9  | 25.4 |
| 26 | TM26          | Tài chính - Ngân hàng (Tài chính công)                                                                                              | 25.2                                              | 101.333 | 70.2   | 25.2 |       | 25.2 |

RUỒ  
ĐẠI H  
HƯON

*[Signature]*



| TT | Mã tuyển sinh | Tên ngành/Chương trình đào tạo                                                                                             | Điểm chuẩn trúng tuyển theo phương thức xét tuyển |         |        |      |       |      |
|----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|--------|------|-------|------|
|    |               |                                                                                                                            | 100                                               | 402a    | 402b   | 409  | 410   | 500  |
| 27 | TM27          | Tài chính - Ngân hàng (Công nghệ tài chính ngân hàng)                                                                      | 25                                                | 100     | 69     | 25   |       | 25   |
| 28 | TM28          | Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)                                                                           | 27.6                                              | 117.333 | 86.067 | 27.6 |       | 27.6 |
| 29 | TM29          | Thương mại điện tử (Thương mại điện tử - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)                  | 26.5                                              | 110     | 78     | 26.5 | 30    | 26.5 |
| 30 | TM30          | Thương mại điện tử (Kinh doanh số)                                                                                         | 27.2                                              | 114.667 | 83.133 | 27.2 |       | 27.2 |
| 31 | TM31          | Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị Hệ thống thông tin)                                                                   | 24.8                                              | 99.12   | 68.12  | 24.8 |       | 24.8 |
| 32 | TM32          | Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị Hệ thống thông tin - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP) | 24.2                                              | 96.48   | 65.48  | 24.2 | 27.38 | 24.2 |
| 33 | TM33          | Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)                                                                                        | 26.1                                              |         |        | 26.1 |       | 26.1 |
| 34 | TM34          | Luật kinh tế (Luật kinh tế)                                                                                                | 25.4                                              |         |        | 25.4 |       | 25.4 |
| 35 | TM35          | Luật kinh tế (Luật kinh doanh - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)                           | 24.7                                              |         |        | 24.7 | 28.08 | 24.7 |
| 36 | TM36          | Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)                                                                                     | 25.1                                              |         |        | 25.1 |       | 25.1 |
| 37 | TM37          | Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)                                                                         | 25.6                                              | 104     | 72.6   | 25.6 |       | 25.6 |
| 38 | TM38          | Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)       | 24.8                                              | 99.12   | 68.12  | 24.8 | 28.22 | 24.8 |
| 39 | TM39          | Kinh tế số (Phân tích kinh doanh trong môi trường số)                                                                      | 25.1                                              | 100.667 | 69.6   | 25.1 |       | 25.1 |
| 40 | TM40          | Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)                                                                               | 27.4                                              |         |        | 27.4 |       | 27.4 |
| 41 | TM41          | Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP)             | 26.8                                              |         |        | 26.8 |       | 26.8 |
| 42 | TM42          | Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)                                                                                | 22.5                                              | 89      | 58     | 22.5 |       | 22.5 |
| 43 | TM43          | Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh) - Khởi nghiệp (Thành lập doanh nghiệp) - Chương trình đào tạo song bằng quốc tế  | 22.5                                              | 89      | 58     | 22.5 | 25    | 22.5 |

*[Signature]*

1  
G  
C  
G M



| TT | Mã tuyển sinh | Tên ngành/Chương trình đào tạo                                                                                           | Điểm chuẩn trúng tuyển theo phương thức xét tuyển |       |       |      |       |      |
|----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------|-------|------|-------|------|
|    |               |                                                                                                                          | 100                                               | 402a  | 402b  | 409  | 410   | 500  |
| 44 | TM44          | Marketing (Marketing thương mại)<br>- Thương mại sản phẩm và dịch vụ (Bán hàng) - Chương trình đào tạo song bằng quốc tế | 24.8                                              | 99.12 | 68.12 | 24.8 | 28.22 | 24.8 |
| 45 | TM45          | Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh - Chương trình đào tạo tiến tiến)                                               |                                                   |       |       | 25   | 28.5  |      |

2. Thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển (từ **23/8/2025**) tại địa chỉ:

<https://tuyensinh.tmu.edu.vn/tra-cuu-diem-thi/dai-hoc-chinh-quy>

3. Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước 17 giờ 00 ngày **30/8/2025**.

4. Nhận Giấy báo trúng tuyển và nhập học bản gốc trực tiếp tại Trường ngày **03/09/2025**.

5. Thí sinh thực hiện nhập học trực tuyến trên hệ thống nhập học của Trường tại địa chỉ: <https://nhaphoc.tmu.edu.vn> trước 17 giờ 00 ngày **03/9/2025**; Nộp hồ sơ nhập học (bản cứng) trực tiếp tại Trường từ 15/9/2025 đến 20/9/2025;

5. Khai giảng khóa học ngày **05/9/2025**. Thời khóa biểu HK1 (2025-2026) được đăng trên cổng đào tạo <https://congdaotao.tmu.edu.vn/> hoặc tài khoản của sinh viên (sau khi hoàn tất nhập học trực tuyến sẽ được cấp). Thời gian học chính thức từ ngày 15/9/2025.

**Chi tiết xem thông báo Nhập học Khóa 61 năm 2025 tại địa chỉ:**

<https://tuyensinh.tmu.edu.vn/tin-tuc/thong-bao-vv-nhap-hoc-doi-voi-thi-sinh-trung-tuyen-dai-hoc-chinh-quy-nam-2025-26828>

**Chi tiết hướng dẫn làm hồ sơ nhập học tại địa chỉ:**

<https://tinyurl.com/TMUHDhosonhaphoc2025>

**Thông tin liên hệ:**

- Số điện thoại: 0857.288.882; 082.352.6868 (zalo);
- Zalo tuyển sinh: <https://zalo.me/daihocthuongmai68> hoặc quét mã:
- Email tuyển sinh: [tuyensinh@tmu.edu.vn](mailto:tuyensinh@tmu.edu.vn).



**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- P.TT&TS (đăng trên website);
- Lưu: VT, HĐTS, P.TT&TS.

**HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐTS**



**PGS.TS Nguyễn Hoàng**